TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Lâm;

Bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Xóm K, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; nơi ở: Số X đường M, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1976; trú tại: Xóm K, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày

06 tháng 5 năm 2003 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách của anh Q gia trưởng, thiếu tôn trọng vợ, đã làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Tại các lời khai bị đơn anh Trần Văn Q trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về việc kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014 chị H có đi lao động tại Đài Loan, từ đó tình cảm vợ chồng không còn mặn mà nữa, đến nay vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, vì mẹ già và các con anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con, con đầu tên là Trần Đình C, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003; con thứ hai tên là Trần Thị D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2006. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q đề nghị, nếu phải ly hôn về việc nuôi dưỡng con chung thì theo nguyện vọng của hai con.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất là không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; về con chung, xem xét quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho chị H nuôi dưỡng cháu C, giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu D; về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết; về án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là chị H, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn là anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L ngày 06 tháng 5 năm 2003, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Do cách cư xử của anh Q trong cuộc sống đối với chị H đã làm cho cuộc sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã có một thời gian dài không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị H ly hôn anh Q là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giữa hai người có hai con chung, tên là Trần Đình C, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003 và Trần Thị D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2006. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con, lời khai của anh Q là nếu phải ly hôn về việc nuôi dưỡng con chung thì theo nguyện vọng của hai con. Hiện tại, cháu C đang sống với chị H, nguyện vọng của cháu C là muốn được ở với mẹ; cháu D đang sống với anh Q, nguyện vọng của cháu D là muốn được ở với bố. Xem xét quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cháu C được giao cho chị H nuôi dưỡng, cháu D được giao cho anh Q nuôi dưỡng. Chị H và anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, vắng mặt chị H và anh Q, lời khai có trong hồ sơ vụ án của chị H và anh Q đều không đề cập đến việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh Q đều thống nhất là không có nên không đề cập đến việc giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Q có hai con chung tên là Trần Đình C, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003 và Trần Thị D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2006.

Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng con chung tên là Trần Đình C, giao cho anh Trần Văn Q nuôi dưỡng con chung tên là Trần Thị D cho đến khi trưởng thành hoặc khi chị H và anh Q có yêu cầu khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí tài sản đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000859 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường